TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 8 - 2020
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân

2. Ông Võ Thành Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Chánh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp HĐ, xã Hưng T, huyện Tân P, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch L; sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An.

Ông N vắng mặt có đề nghị giải quyết vắng mặt; bà L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Đào Văn N: Ông N và bà L đến với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An vào năm 2016. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông Nữa và bà L sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay ông N xét thấy không còn tình cảm với bà L nên khởi

kiện yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/6/2020 nguyên đơn ông Đào Văn N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa ông với bà Nguyễn Thị Bạch L do bận việc gia đình.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông N.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng vụ án: Thẩm phán, thư ký tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ cho bị đơn nên Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ông N và bà L đến với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An vào năm 2016. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông N và bà L sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay ông N xét thấy không còn tình cảm với bà L nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông N.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết

Nhận thấy hôn nhân giữa ông N và bà L là Hôn nhân tự nguyện hợp pháp. Nay ông N không còn tình cảm với bà L nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Như vậy,có căn cứ để khẳng định hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vào ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An thụ lý đơn khởi kiện của ông Đào Văn N yêu cầu được

ly hôn với bà Nguyễn Thị Bạch L; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Bạch L là bị đơn trong vụ án, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bà L đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà L không đến. Tại giấy yêu cầu xác minh ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An được Công an thị trấn TH, huyện TH xác minh hiện nay bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An. Như vậy, bà L đang sinh sống ở địa phương nhưng bà L cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng cho bà L theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn không đến Tòa án. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà L là phù hợp tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đào Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/6/2020. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch L có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp. Ông N trình bày sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông N và bà L sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Ông N xét thấy không còn tình cảm với bà L nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch L, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà L cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho Lan đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà L vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía bà L không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với ông N. Nên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông N và bà L không còn, tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đào Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch L không có con chung.

[4] Về chia tài sản và chia nợ: Ông Đào Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[5] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[6] Về án phí: Ông Đào Văn N phải chịu án phí hôn nhân – gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân – gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Đào Văn N, cho ông Đào Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bạch L.

2. Về nuôi con chung: Ông Đào Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch L không có con chung.

3. Về chia tài sản và chia nợ: Ông Đào Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Ông Đào Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân – gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003285 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Long An sang thi hành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hoá;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Bé – Nguyễn Thị Thanh Vân **Nguyễn Thị Thật**